

Bản án số: 166/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/5/2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con chung”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai
2. Ông Tô Ngọc Liêm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2021/QĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/QĐ-TA ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Lê Cẩm H, sinh năm 1982; địa chỉ: số 222/2C, đường Hà Hoàng Hồ, khóm Đ.A 2, phường M.X, thành phố L.X, tỉnh An Giang, (Có mặt).

***Bị đơn:*** Anh Lê Thành N, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T.L, xã T.M, huyện C. M, tỉnh An Giang; chỗ ở: tạm trú số 222/2C, đường Hà Hoàng Hồ, khóm Đ.A 2, phường M.X, thành phố L.X, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Cẩm H trình bày, Chị quen biết anh Lê Thành N, cả hai cùng tìm hiểu, tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường M.X, thành phố L.X vào năm 2004, cả hai sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, thường xuyên mâu thuẫn, anh N không lo làm ăn, thường xuyên đánh đập chị; mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng không thể hàn gắn, sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay.

Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Hồng xin ly hôn với anh Lê Thành N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Hữu C (đã thành niên), Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2005 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 15/01/2013. Hiện các con đang sống cùng với chị H, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:*

- Bản sao Giấy khai sinh của Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2005 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 15/01/2013; CNĐKKH;

- Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của Lê Cẩm H ngày 27/01/2021; đơn yêu cầu giải quyết theo Tố tụng dân sự, từ chối thủ tục hòa giải theo luật hòa giải;

Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn Lê Thành N được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải đề động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng phía bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được, anh N không có ý kiến phản hồi, cũng như ý kiến gì về việc nuôi con chung, không ý kiến về cấp dưỡng nuôi các con chung. Đến ngày 10/5/2021, anh N có lời khai, ý kiến không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ con, anh xác định trước khi xảy ra mâu thuẫn vẫn còn sống chung nhà với chị H, nhưng từ khi xảy ra cự cãi thì anh chạy xe ô tô tải đường dài, thỉnh thoảng từ 7 đến 15 ngày về có ghé nhà thăm các con; anh xác định vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T.M, huyện C.M, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh N và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung; anh N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Lê Thành N được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị H và anh T quen biết, cùng tìm hiểu, tiến đến hôn nhân; vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường M.X, thành phố L.X vào năm 2004. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp được pháp

luật thừa nhận, bảo vệ; anh, chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, thường xuyên cự cãi, anh N thường xuyên đánh đập chị; mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, ly thân từ thời điểm đó cho đến nay, chị H và anh N không còn sống cùng nhau, anh N làm nghề lái xe thỉnh thoảng có ghé thăm các con. Từ thời điểm chị H gửi đơn khởi kiện, anh N không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngày 10/5/2021, anh N có lời khai không đồng ý ly hôn với chị H với lý do thương vợ con nhưng vẫn không có giải pháp gì cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Mặt khác, chị H xác định không còn tình cảm với anh N, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc, nên chị H yêu cầu ly hôn đối với anh N là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Có 03 con chung Lê Hữu C (đã thành niên), Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2005 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 15/01/2013. Hiện các cháu đang sống cùng với chị H, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con; Ý kiến các cháu đều có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn được sống cùng với mẹ. Việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng nuôi cần xem xét đến điều kiện phát triển của con chưa thành niên, nguyện vọng của cháu theo quy định của pháp luật. Các cháu Quỳnh A, Trúc Q đang sống chung với chị H, vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nguyện vọng của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn sống cùng với chị H, cần ổn định cuộc sống của các cháu, tiếp tục giao các cháu cho chị H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Cẩm H đối với anh Lê Thành N.

- Giao chị Lê Cẩm H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con các cháu Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2005, Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 15/01/2013 đến tuổi trưởng thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn Lê Thành N, sinh năm 1982, nơi cư trú tại xã T.M, huyện C.M, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C.M, tỉnh An Giang là đúng quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 28 tháng 4 năm 2021, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa.

Phiên tòa được mở lại lần thứ hai ngày 12 tháng 5 năm 2021, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp, chị H và anh N tiến đến hôn nhân dựa trên tình yêu tự nguyện, cùng tìm hiểu, không có yếu tố lừa dối hay ép buộc, thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân tại Ủy ban nhân dân phường M.X, thành phố L.X vào năm 2004, phù hợp với trích lục Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường M.X được chị H cung cấp có trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh N là hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng giữa chị Hồng, anh Nhu hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, mối quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng gay gắt khi xảy ra cự cãi, anh N dùng vũ lực đánh đập chị H; vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay, kể từ thời điểm ly thân anh N chạy xe tải, thỉnh thoảng có ghé thăm các con, vợ chồng ít liên lạc qua lại, không dành sự quan tâm, yêu thương lẫn nhau mà thay vào đó là dùng những lời lẽ lớn tiếng lăng mạ, xúc phạm nhau, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương lẫn nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến phiên hòa giải để động viên các bên hàn gắn tình cảm, xóa bỏ những mâu thuẫn, bất đồng đã xảy ra, vận động vợ chồng cùng chung sống với nhau nhưng anh N đều vắng mặt. Đến ngày 10 tháng 5 năm 2021, anh N có lời khai, ý kiến không đồng ý ly hôn với lý do còn tình cảm với vợ, yêu thương con, anh xác định trước khi xảy ra mâu thuẫn vẫn còn sống chung nhà với chị H, nhưng khi xảy ra cự cãi thì anh chạy xe ô tô tải

đường dài, thỉnh thoảng từ 7 đến 15 ngày ghé nhà thăm vợ con. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của chị H thể hiện mâu thuẫn vợ chồng rất nghiêm trọng, âm ỉ, khó có thể hàn gắn và anh N không đưa ra căn cứ, biện pháp gì, nhằm cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng tiếp tục tình trạng sống ly thân và không quan tâm đến nhau, cuộc sống của mỗi người thể hiện tính riêng lẻ, không còn gắn kết, không còn mục tiêu để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Điều đó, chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận khởi kiện cho chị Lê Cẩm H được ly hôn anh Lê Thành N là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Hữu C (đã thành niên), Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2005 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 15/01/2013. Hiện đang sống cùng với chị H, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con; Ý kiến các cháu đều có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn được sống cùng với mẹ.

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, lợi ích từ việc giao con chưa thành niên cho bên vợ hay chồng nuôi dưỡng cần xem xét, phân tích đến điều kiện phát triển của con chưa thành niên và nguyện vọng của cháu theo quy định của pháp luật. Các cháu Quỳnh A, Trúc Q từ khi cha mẹ ly thân sống chung với chị H đến nay, vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nguyện vọng của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn sống cùng với chị H. Do đó, cần ổn định cuộc sống của các cháu, tiếp tục giao các cháu cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các đương sự không yêu cầu, đề cập việc cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị Lê Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Cẩm H. Cho chị Lê Cẩm H được ly hôn với anh Lê Thành N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 217/MX, Quyền số 02/2004, do Ủy ban nhân dân phường M.X, thành phố L.X cấp ngày 16/9/2004 cho Lê Cẩm H với anh Lê Thành N, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: giao con chung Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/12/2005 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 15/01/2013 cho chị Lê Cẩm H, được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Lê Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006008 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; chị H đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Cẩm H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Thành N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang (để biết).
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**